TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 82 (04/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 82 (04/2022)

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

PHÂN TÍCH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2021

An analysis of the development of Saigon University in the period of 2017-2021

PGS.TS. Lê Chi Lan
Ban Giám hiệu, Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Tiền thân của trường Đại học Sài Gòn là Trường Sư phạm cấp 2 miền Nam được thành lập năm 1972. Năm 2007, Trường Đại học Sài Gòn được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Với 50 năm thành lập và phát triển, Trường đã không ngừng nâng cao chất lượng về mọi mặt. Bài viết trình bày thực trạng sự phát triển ở một số khía cạnh của nhà trường thông qua phát triển về chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, về nghiên cứu khoa học, về công tác giáo dục và đào tạo và cơ chế tự chủ tài chính của nhà trường trong giai đoạn 2017-2021. Bài viết trình bày các ý kiến phản hồi từ sinh viên và giảng viên về chất lượng đào tạo của Trường qua đó rút ra những mặt còn hạn chế để nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng trong tương lai.

Từ khóa: *sự phát triển, Trường Đại học Sài Gòn, tự chủ đại học*

ABSTRACT

The predecessor of Saigon University is the Southern Vietnam National Secondary School of Pedagogy, founded in 1972. In 2007, Saigon University was established on the basis of upgrading Teachers' Training College of Ho Chi Minh City. With 50 years of establishment and development, Saigon University has constantly improved its quality in all aspects. The article presents the current situation of development in some aspects of the university through professional development for lecturers, scientific research, education and training, and financial autonomy mechanism in the period of 2017-2021. The article presents feedbacks from students and lecturers on the training quality of the University, thereby drawing out the shortcomings to improve the quality of community service in the future.

Keywords: *development, Saigon University, university autonomy*

1. Giới thiệu sơ lược về tình hình của Trường Đại học Sài Gòn

Tiền thân của Trường Đại học Sài Gòn là Trường Sư phạm cấp 2 miền Nam được thành lập vào tháng 2 năm 1972 tại căn cứ Trung ương cục miền Nam (Tây Ninh). Trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) được thành lập theo Quyết định số 1784/QĐ ngày 03/09/1976 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 04 năm 2007, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sài Gòn được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm TPHCM, là cơ sở giáo dục Đại học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBNDTPHCM), chịu sự quản lý Nhà nước về Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào

Email: lechilan@sgu.edu.vn

tạo. Trường Đại học Sài Gòn là trường đào tạo đa ngành, đa bậc học, đa lĩnh vực từ cao đẳng, đại học và đào tạo sau đại theo 2 hình thức: giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên (vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên thông). Tốt nghiệp tại Trường Đại học Sài Gòn, người học được cấp bằng: cử nhân, kĩ sư, thạc sĩ và tiến sĩ.

Trường Đại học Sài Gòn có trụ sở chính tại số 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TPHCM và 04 cơ sở khác:

- Cơ sở 1: Số 105 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TPHCM.
- Cơ sở 2: Số 04 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM.
- Cơ sở 3: (Trường tiểu học Thực hành, Đại học Sài Gòn), Số 20 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TPHCM.
- Cơ sở 4: (Trường Trung học Thực hành Sài Gòn), Số 220, Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TPHCM.

Hiện nay, Trường Đại học Sài Gòn có 18 khoa đào tạo, 22 phòng ban chức năng, 02 viện nghiên cứu, 06 trung tâm, 01 trường Trung học trực thuộc (trường Trung học Thực hành Sài Gòn), 01 trường Tiểu học trực thuộc (trường Tiểu học Thực hành Sài Gòn). Tổng cộng có 44 đơn vị trực thuộc.

Ngoài việc đào tạo cấp bằng, Trường còn được phép đào tạo cấp các chứng chỉ ngoại ngữ cấp độ A2, B1, B2 trong số 15 trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức thi. Bên cạnh đó, Trường được phép đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin căn bản và nâng cao theo chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông, chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học, chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm bậc II và các chứng chỉ bồi dưỡng đào tạo ngắn hạn khác.

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã vạch ra sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu hướng đến nâng cao vì thế của trường thành trường đại học nghiên cứu, cụ thể:

- **Sứ mạng:** "Trường Đại học Sài Gòn là cơ sở giáo dục Đại học và nghiên cứu khoa học công lập, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM và cả nước"**.**
- **Tầm nhìn:** "Trường Đại học Sài Gòn thực hiện đổi mới và góp phần phát triển giáo dục đại học Việt Nam, phấn đấu đến năm 2035 phát triển Trường Đại học Sài Gòn trở thành trường Đại học theo hướng nghiên cứu, đạt chuẩn quốc tế".
- **Mục tiêu:** Xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường Đại học Sài Gòn đảm bảo đủ điều kiện hội nhập khu vực quốc tế, góp phần đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM.

2. Cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sài Gòn

Trường Đại học Sài Gòn là trường đại học công lập, qua 50 năm xây dựng và phát triển, trường đã cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng ở các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh.

Trường Đại học Sài Gòn là đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí. Kinh phí hoạt động của trường bao gồm các nguồn: kinh phí ngân sách Nhà nước, nguồn thu học phí, lệ phí và các dịch vụ khác. Kinh phí được sử dụng đúng mục đích, đúng theo yêu cầu và quy định của Nhà nước để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, đào tạo, nghiên cứu khoa học và đời sống vật chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong từng năm và được

cập nhật điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Căn cứ vào chiến lược phát triển và kế hoạch hằng năm, nguồn tài chính được cân đối có trọng tâm để đáp ứng nhu cầu hoạt động chung, quản lý chi tiêu kinh phí theo các văn bản quy định và quy chế chi tiêu nội bộ về chế độ và định mức. Bên cạnh đó, còn có sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước nên việc sử dụng kinh phí ngày càng được kiểm soát chặt chẽ hơn. Hiện nay Trường Đại học Sài Gòn đang thực hiện quản lý tài chính khoán theo công việc và các đơn vị tự cân đối và lập dự trù kinh phí hoạt động chuyên môn cho chính mình. Trên cơ sở đó, phòng Kế hoạch Tài chính cân đối thu - chi để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng tốt hơn.

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng trên tinh thần dân chủ, công khai qua việc lấy ý kiến đóng góp của từng cá nhân cán bộ giảng viên, tập thể đơn vị khoa, phòng, ban và các tổ chức đoàn thể (Đoàn, Công đoàn) nên góp phần giúp Nhà trường chủ động trong việc sử dụng tài chính một cách hợp lí, đúng mục đích. Công tác kiểm quỹ được thực hiện hàng tuần với đầy đủ chứng từ hợp lệ được cập nhật vào sổ sách chung. Sự phân bổ và sử dụng nguồn tài chính còn được thể hiện qua việc mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy học tập và làm việc để có thể tiếp cận được với công nghệ mới ngày càng hiện đại. Song song với việc mua sắm trang bị mới là việc cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cũ một cách kịp thời để phục vụ đưa vào hoạt động nhanh và tận dụng tối đa cho mọi hoạt động nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm cho các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường.

3. Phân tích sự phát triển của Trường trong giai đoạn 2017 - 2021

3.1. Về trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên của nhà trường

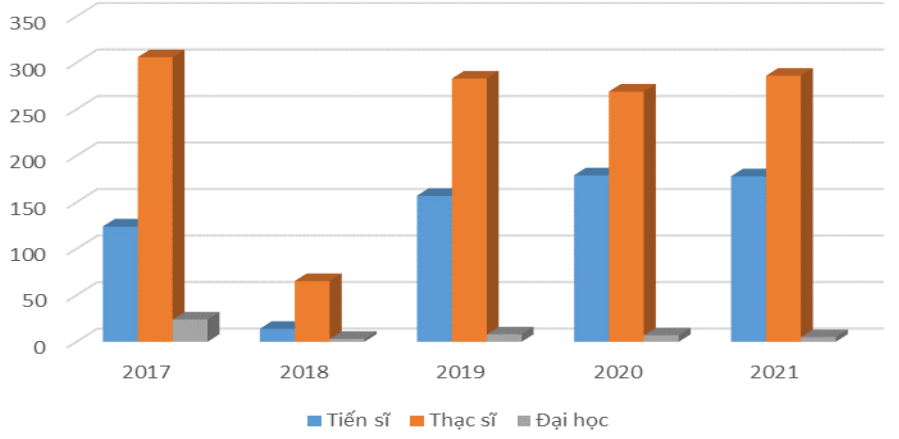
Trường Đại học Sài Gòn trực thuộc UBNDTPHCM, chịu sự quản lý về nhà nước các mặt như: tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo - bồi dưỡng. Công tác tuyển dụng giảng viên, nhân viên nhằm bổ sung, thay thế giảng viên, nhân viên nghỉ hưu là công tác nhân sự quan trọng, đảm bảo công tác đào tạo nhà trường có chất lượng cao. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao hàng năm của UBNDTPHCM, Nhà trường được chủ động tuyển dụng nhân sự theo nhu cầu (Thông tư Liên tịch 07/2009/TTLT/BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009). Phòng Tổ chức Cán bộ thực hiện kế hoạch tuyển dụng dựa trên báo cáo nhu cầu giảng viên, nhân viên của các khoa, phòng, ban trực thuộc trong năm học. Công tác tuyển dụng được thực hiện đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước: Luật viên chức 2010; Nghị định 29/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng viên chức; Thông tư 15/2012 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, kí hợp đồng làm việc; Quy định của thành phố, quy định của nhà trường.

Bảng 1: Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên của trường trong giai đoạn 2017 – 2021

TT	Trình độ giảng viên	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2	Tiến sĩ	124	27,3	139	31,5	157	35,0	179	39,3	178	38,0
3	Thạc sĩ	306	67,4	288	65,3	283	63,2	269	59,1	286	61,0
4	Đại học	24	5,3	14	3,2	8	1,8	7	1,5	5	1,1

TT	Trình độ giảng viên	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng số giảng viên cơ hữu		**454**	**100,0**	**441**	**100,0**	**448**	**100,0**	**455**	**100,0**	**469**	**100,0**

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Sài Gòn luôn tuyển dụng đội ngũ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Đặc biệt, Trường Đại học Sài Gòn luôn ưu tiên tuyển dụng đội ngũ giảng viên đã có học vị tiến sĩ hoặc đã có đầu vào nghiên cứu sinh. Đối với đội ngũ giảng viên hiện hữu, Trường cũng có chế độ hỗ trợ để học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Quan sát số liệu bảng 1 và biểu đồ 1 cho thấy trình độ đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Sài Gòn tăng đáng kể theo từng năm và phù hợp với mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển của Trường. Trong năm 2021 tỷ lệ tiến sĩ là 39.3% và thạc sĩ là 60.9% có sự tăng nhẹ về trình độ chuyên môn. Trong 5 năm vừa qua, Trường ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ sau đại học, nên Trường tập trung nhiều vào việc phát triển kỹ năng, năng lực chuyên môn qua việc cử cán bộ (CB), giảng viên (GV), nhân viên (NV) tham gia các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.



Hình 1. Biểu đồ số lượng trình độ giảng viên cán bộ cơ hữu trong giai đoạn 2017 - 2021

Thực tế ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách cấp hàng năm, Trường Đại học Sài Gòn khuyến khích cán bộ viên chức tìm kiếm học bổng nước ngoài thông qua các chương trình học bổng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và TPHCM. Ngoài ra, Trường còn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ bằng hình thức giảm học phí khi đăng kí học các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường. Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường được thống kê và báo cáo UBNDTPHCM hàng năm. Đồng thời, công tác đào tạo bồi dưỡng nhận được sự đồng thuận và tích cực tham gia của toàn thể cán bộ viên chức thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm để Nhà trường có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội

ngũ nguồn nhân lực đạt được hiệu quả cao (Báo cáo tự đánh giá năm 2021, trang 64).

Về trình độ tin học, ngoại ngữ: giảng viên tích cực học tập để có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu giảng dạy; trên 70% giảng viên có trình độ tin học A, chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học; số lượng giảng viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng giao tiếp, nghiên cứu khoa học không nhiều. Hiện có 55% giảng viên có trình độ các ngoại ngữ từ chứng chỉ A trở lên.

Nhà trường có đội ngũ viên chức đạt tiêu chuẩn năng lực chuyên môn và được tạo điều kiện để tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

3.2. Thực trạng về tình hình nghiên cứu khoa học của Trường

Nghiên cứu khoa học là một trong những công tác có vai trò rất quan trọng trong việc rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, năng lực nghiên cứu và tạo phong cách làm việc khoa học cho đội ngũ giảng viên. Mục đích của nghiên cứu khoa học là hình thành cho người nghiên cứu phương pháp tiếp cận và làm quen với môi trường khoa học, phương pháp làm việc khoa học góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề khoa học và giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Vì vậy, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ thường xuyên và cực kỳ quan trọng của mỗi giảng viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Trường Đại học Sài Gòn luôn nhận thức nguồn nhân lực không chỉ cần kiến thức, kinh nghiệm, mà còn cần có khả năng giải quyết nhanh các vấn đề thực tiễn và tư duy sáng tạo. Muốn bắt kịp xu hướng này, các giảng viên cần phải có những thay đổi toàn diện để phù hợp với xu thế mới.

Để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học, thu hút và nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, người học, Trường đã có các chính sách hỗ trợ, khen thưởng các công trình nghiên cứu khoa học, tùy thuộc vào chất lượng công trình được công bố như bài báo/ báo cáo khoa học bằng hình thức quy đổi thành giờ chuẩn. Định mức số giờ quy đổi được xem xét và tăng lên theo chu kỳ một cách hợp lý nhằm khuyến khích số lượng cũng như chất lượng các công trình.

Bảng 2: Kết quả hoạt động Nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2021

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở	63	96	89	86	56
Số bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước	138	378	284	365	439
Số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước	44	263	215	169	180

(Thống kê từ Phòng QLKH)

Từ kết quả bảng 2 cho thấy số lượng các công trình nghiên cứu khoa học các bài báo quốc tế ngày càng tăng. Trường Đại học Sài Gòn luôn tiên phong quán triệt tinh thần đội ngũ giảng viên Trường phải là người chủ động, hào hứng đón nhận cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 như một cơ hội, đồng thời coi đây là thách thức phải vượt qua trong công tác giảng dạy, cũng như nghiên cứu khoa học. Giảng viên phải xác định nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay khác xa về chất so với giai đoạn trước. Với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực có trình độ nghiên cứu tốt, Trường đã có cách tiếp cận mới đã mở thêm hình thức đề tài nghiên cứu khoa cấp cơ sở loại A và loại B để đáp ứng được mục tiêu trên. Để đáp ứng yêu cầu đó, đội ngũ giảng viên trường phải thực hiện tốt ba chức năng quan trọng: chức năng sáng tạo, chức năng phản biện và chức năng giáo dục. Sự hòa quyện giữa trình độ trí tuệ của nhà khoa học với nhà giáo ở bậc đại học là nền tảng để người giảng viên trụ vững trong tương lai, nâng cao vị thế của Trường Đại học Sài Gòn.

3.3. Thực trạng về công tác giáo dục và đào tạo

Hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường, ngoài những yếu tố và giải pháp đảm bảo đầu vào, đảm bảo quá trình đào tạo, còn gồm cả những yếu tố cùng những giải pháp đảm bảo đầu ra ở cả hai cấp độ; cấp độ chương trình đào tạo là kết quả tốt nghiệp và cấp độ học phần là kết quả học tập của người học ở từng học phần. Để hàng năm phát huy tác dụng của những yếu tố và giải pháp này, Nhà trường đã xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến tỉ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học ở tất cả các chương trình đào tạo và ở mỗi học phần của từng chương trình đào tạo (Báo cáo tự đánh giá 2021, trang 45).

Để xác lập tỉ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học ở các học phần của tất cả các chương trình đào tạo theo từng học kì, Nhà trường căn cứ vào kết quả học tập các học phần (tổng hợp điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần) của người học, số liệu người học bỏ học, bỏ thi các học phần trong mỗi học kì. Kết quả xác lập tỉ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học các học phần trong từng học kì ở các năm học thể hiện ở Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Tỉ lệ người học đạt yêu cầu và thôi học ở các học phần của tất cả các chương trình đào tạo trong từng học kì của các năm học

Năm học / Tỉ lệ người học	**Năm học 2017-2018**		**Năm học 2018-2019**		**Năm học 2019-2020**		**Năm học 2020-2021**		**Năm học 2021-2022**	
	HK I	HK II	HK I	HK II	HK I	HK II	HK I	HK II	HK I	HK II
Tỉ lệ người học đạt yêu cầu ở tất cả các học phần (%)	92,62	88,89	92,35	89,26	91,77	91,26	94,03	91,63	94,31	92,62
Tỉ lệ người học thôi học ở tất cả các học phần (%)	2,98	6,59	2,64	6,74	2,44	5,38	1,69	5,55	3,54	2,98

(Thống kê từ Phòng Đào tạo)

Để cải tiến tỉ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học ở tất cả các chương trình đào tạo và ở mỗi học phần của từng chương trình đào tạo, trên cơ sở các kiến nghị từ hệ thống giám sát, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo của từng năm học theo đúng lịch trình và kế hoạch dạy học đã thiết kế của các chương trình đào tạo; Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ người học xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập toàn khóa, đăng kí môn học, hoàn thành sớm các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin (Báo cáo tự đánh giá 2021, trang 54).

Căn cứ các quy chế đào tạo trình độ đại học, đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, từ năm 2009, Nhà trường đã tổ chức xây dựng tất cả chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ; trong đó thời gian đào tạo theo kế hoạch chuẩn toàn khóa 4 năm đối với chương trình đào tạo cử nhân, 4,5 năm đối với chương trình đào tạo kỹ sư, 2 năm đối với chương trình đào tạo thạc sĩ và 3 năm đối với chương trình đào tạo tiến sĩ.

Bảng 4. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các chương trình đào tạo trong các năm học

Năm học / **Thời gian tốt nghiệp TB**		**Năm học 2017-2018**	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**	**Năm học 2021-2022**
Thời gian tốt nghiệp TB các CTĐT đại học (năm)	CTĐT cử nhân	4,19	4,17	4,23	4,33	4,71
	CTĐT Kỹ sư	4,84	4,93	4,62	4,89	4,85
Thời gian tốt nghiệp TB các CTĐT thạc sĩ (năm)		2,20	2,13	2,15	2,12	2,13

(Thống kê từ Phòng Đào tạo)

Để xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo, hàng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó có dự kiến số lượng người học tốt nghiệp (kể cả đúng hạn và không đúng hạn) và dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng năm, căn cứ vào thời gian tốt nghiệp trung bình ở năm học trước, số liệu người học tham gia các chương trình đào tạo vào năm học cuối khóa, số liệu người học chưa tốt nghiệp và đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo ở các năm học trước. Kết quả xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo trong các năm học được thể hiện ở Bảng 4.

Mục tiêu tối quan trọng của các chương trình đào tạo là đảm bảo cho người học tốt nghiệp có khả năng có việc làm, có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc làm và để đạt được mục tiêu này, Nhà trường đã xác lập, tổ chức giám sát và đối sánh để cải tiến khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp. Để đánh giá và xác lập khả năng có việc làm, cũng như khả năng đáp ứng các yêu cầu của việc làm đối với của người học tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó xác lập và dự

báo tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp trong năm, trên cơ sở phân tích dữ liệu khảo sát về việc làm đối với người học đã tốt nghiệp các năm trước và đánh giá toàn diện mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của người học tốt nghiệp ở tất cả các chương trình đào tạo. Kết quả xác lập tỉ lệ nói lên khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp trong các năm học được thể hiện ở Bảng 5 dưới đây:

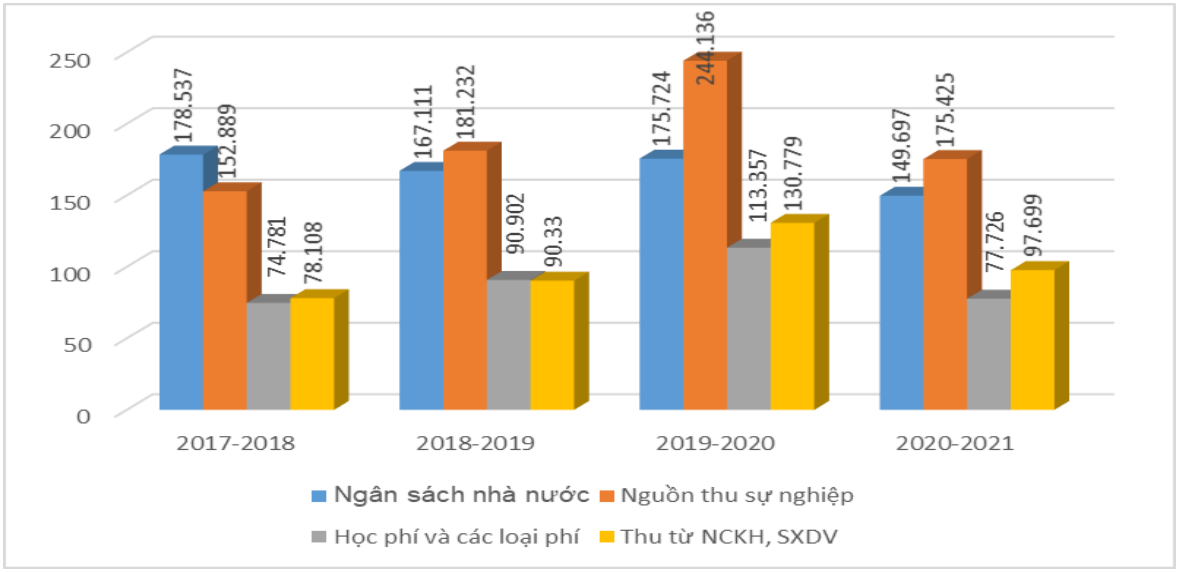
Bảng 5. Tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp các chương trình đào tạo trong các năm học

Năm học / Tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm		Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp các CTĐT đại học (%)	CTĐT cử nhân	87.14	95.13	97.01	97.00	91.48
	CTĐT Kỹ sư	80.25	100.00	86.34	98.49	90.64
Tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp các CTĐT thạc sĩ (%)		87.3	89.1	90.1	92.1	95.6

Để giám sát khả năng có có việc làm của người học tốt nghiệp các chương trình đào tạo, Nhà trường đã thiết lập và triển khai hoạt động của hệ thống gồm Phòng Công tác sinh viên, các đơn vị có chức năng quản lý đào tạo, các khoa/ngành cùng phần mềm quản lý và xử lí dữ liệu theo dõi, đánh giá và xác lập dữ liệu thống kê tỉ lệ có việc làm của người học ở mỗi chương trình đào tạo. Để cải tiến và nâng cao khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp, Nhà trường giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục cùng Phòng Đào tạo, Phòng đào tạo Sau đại học và các khoa/ngành thực hiện việc đối sánh tỉ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng các yêu cầu của việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo (đối sánh tỉ lệ giữa khóa trước và khóa sau của cùng chương trình đào tạo, giữa các chương trình đào tạo trong cùng khóa, với chương trình đào tạo tương đương của cơ sở giáo dục đại học khác) nhằm xác định xu thế việc làm, dự báo được tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp, tìm kiếm, đề xuất và thực hiện các biện pháp hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu, hỗ trợ có hiệu quả cho người học tốt nghiệp tìm việc làm, tăng cường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc, qua đó nâng cao tỉ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp.

3.4. Cơ chế tự chủ tài chính của nhà trường

Trường Đại học Sài Gòn hiện là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên trực thuộc UBNDTPHCM, thực hiện cơ chế hoạt động tự chủ tài chính căn cứ vào Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị quyết 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2017 - 2020.



Hình 2: Nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2017 – 2021

Quan sát hình 2 cho thấy Trường cũng đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên. Tỷ lệ phát triển nguồn thu của Trường đã tăng dần hàng năm, nhưng do tình hình dịch bệnh nên nguồn thu năm 2020, năm 2021 có giảm. Ngoài ra, tổng doanh thu so với chi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác cho thấy tỷ lệ này tăng dần qua các năm. Thống kê từ năm 2017 đến năm 2021, cho thấy nguồn thu từ ngân sách nhà nước có xu hướng tăng và giảm không ổn định chiếm tỷ trọng tùy theo từng năm. Cụ thể: năm 2017 chiếm tỉ trọng 73,87%, năm 2018 chiếm tỉ trọng 70,44%, năm 2019 chiếm tỉ trọng 62,64%, năm 2020 chiếm tỉ trọng 57,13%, năm 2021 chiếm tỉ trọng 50,85%. Nếu tính trung bình từ 2017 đến 2021 thì nguồn thu từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 62,99%. Nguồn tài chính quan trọng thứ hai của trường là thu từ hoạt động sự nghiệp, bao gồm nguồn thu từ học phí có xu hướng tăng, từ các hoạt động dịch vụ tăng từ 23,40% lên 29,14%, nguồn thu từ lệ phí và thu khác có từ 2% giảm xuống 0.17%.

Bên cạnh việc phân bổ hợp lý còn kết hợp với công tác kiểm tra, giám sát theo hướng sử dụng có hiệu quả kinh phí trong Trường. Trường kiểm tra, giám sát thông qua kiểm toán độc lập bên ngoài đánh giá sổ sách kế toán và báo cáo hàng năm về các hoạt động kiểm toán nội bộ. Thông qua sử dụng dịch vụ kiểm toán nhà nước để đánh giá bất kỳ hoạt động nào đó của Nhà trường. Sau các hoạt động rà soát, kiểm toán, Nhà trường điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho giáo dục, đào tạo theo hướng cải tiến tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên cho phù hợp với tình hình về kết quả tài chính của Nhà trường (Báo cáo tự đánh giá 2021, trang 86).

Bảng 6. Tổng chi cho đào tạo, NCKH, con người và đầu tư giai đoạn 2017 – 2021

ĐVT: triệu đồng

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Chi cho con người	111.428	122.127	103.421	92.229	101.518
2. Chi học bổng sinh viên	3.057	4.745	3.639	857	943
3. Chi hoạt động chuyên môn	18.851	22.211	23.670	24.065	26.471
4. Chi NCKH	5.048	3.213	4.600	5.524	6.076
5. Chi sửa chữa, mua sắm	27.019	29.170	19.926	16.139	17.754
6. Chi khác	816	797	843	941	972
7. Chi hoạt động đào tạo	18.851	22.211	23.610	24.065	26.471
8. Trích khấu hao TSCĐ	567	423	746	3.098	3.408
9. Thuế GTGT, thuế TNDN	3.219	2.558	3.23	2.892	3.037

Các nguồn kinh phí từ ngân sách và học phí đa số tập trung chi chủ yếu cho con người và hoạt động đào tạo. Trong đó, tỉ trọng chi cho con người chiếm hơn 60%. Ngoài nguồn ngân sách được cấp, nguồn thu của trường chủ yếu từ nguồn học phí chính qui (chiếm hơn 50%) và các nguồn thu từ dịch vụ khác. Tuy nhiên nguồn thu từ học phí chỉ có thể đảm bảo cân đối chi thường xuyên được khoảng 30% tổng thu và chưa thể đảm bảo đủ nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Trước thực trạng này, Trường đã bù đắp chi thường xuyên từ các khoản thu của các hệ đào tạo khác ngoài chính quy như hệ vừa làm vừa học, liên kết trong và ngoài nước, đào tạo bằng đại học thứ 2, đào tạo thường xuyên… và các khoản thu khác.

4. Phản hồi từ sinh viên và giảng viên về chất lượng đào tạo của Trường

4.1. Thông tin thu được từ sự phản hồi của Sinh viên

Về mục tiêu và chương trình đào tạo: khoảng 70% sinh viên đều nhận xét ngành học có mục tiêu rõ ràng phù hợp với yêu cầu xã hội, chương trình mềm dẻo thuận lợi cho sinh viên, nội dung chương trình vừa phải.

Về đội ngũ giảng viên: khoảng 85% sinh viên đánh giá đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt, có phương pháp sư phạm, nhiệt tình sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, nhiệt tâm và đánh giá đúng, công bằng trong kiểm tra và thi.

Đáp ứng yêu cầu khóa học: khoảng 85% sinh viên nhận xét khóa học đáp ứng được mục tiêu đào tạo của ngành, khóa học cung cấp được các kiến thức cần thiết.

Quản lý và phục vụ đào tạo: khoảng 84% sinh viên đánh giá đội ngũ CBNV phục vụ tốt, trường và khoa tạo thuận lợi cho sinh viên học tập (Lê Chi Lan, Đỗ Đình Thái, 2018).

4.2. Thông tin thu được từ sự phản hồi của giảng viên

Về mục tiêu và chương trình đào tạo: 89% giảng viên nhận xét ngành học có mục tiêu rõ ràng và khả thi trong điều kiện hiện nay của nhà trường, chương trình có tải trọng hợp lý và mềm dẻo thuận lợi cho sinh viên, nội dung chương trình thường xuyên được cập nhật, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Về đội ngũ giảng viên: 85% giảng viên nhận xét số lượng giảng viên cơ hữu hiện nay đủ để đáp ứng yêu cầu giảng dạy của các ngành.

Đáp ứng yêu cầu khóa học: 80% giảng viên nhận xét trình độ sinh viên ra trường đáp ứng được về năng lực cần đạt trong nghề nghiệp, khóa học giúp sinh viên phát triển đạo đức, nhân cách, sinh viên tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp.

Quản lý và phục vụ: khoảng 85% giảng viên đánh giá đội ngũ đội ngũ nhân viên phục vụ tốt, trường và khoa tạo thuận lợi cho sinh viên học tập.

Trang thiết bị: khoảng 75% giảng viên nhận xét trang thiết bị phục vụ giảng dạy trên lớp được đáp ứng đầy đủ, Nhà trường luôn đáp ứng các điều kiện giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH, các chế độ chính sách hiện nay của trường phù hợp với điều kiện hiện có của trường (tiền lương, phúc lợi xã hội…) (Lê Chi Lan, Đỗ Đình Thái, 2018).

5. Những mặt còn hạn chế

Bên cạnh các mặt mạnh trên thì vẫn còn những mặt hạn chế là điều không tránh khỏi. Một số mặt hạn chế như sau:

+ Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, các cựu sinh viên... chưa được tiến hành thường xuyên.

+ Các chương trình đào tạo còn ít kỹ năng ứng dụng tin học, ngoại ngữ vào việc giải quyết các nội dung của chuyên ngành.

+ Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số ngành, chuyên ngành chưa hợp lý, số lượng kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn ít.

+ Thông tin cung cấp cho sinh viên về mục tiêu đào tạo, quy chế đào tạo đôi khi chưa cập nhật kịp thời, 42.2% sinh viên đánh giá sinh viên chưa đủ thông tin về chương trình đào tạo.

+ Cơ sở vật chất, phương tiện của trường phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao còn hạn chế. Khoảng 38,9% sinh viên và giảng viên nhận xét thư viện chưa đủ tài liệu tham khảo cho một số môn học và chưa đủ trang thiết bị phục vụ cho thực tập và thực hành.

Bên cạnh các ý kiến trên, thì sinh viên có một số phản hồi như sau:

+ Khoảng 30% sinh viên nhận xét rằng họ không tự tin về khả năng đáp ứng nghề nghệp, trong khi khoảng 80% giảng viên nhận xét rằng sinh viên tự tin trong nghề nghiệp khi tốt nghiệp ra trường.

+ Khoảng 39,1 % sinh viên nhận xét tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành chưa được hợp lý trong khi 85% giảng viên nhận xét tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý phù hợp với mục tiêu đào tạo (Lê Chi Lan, Đỗ Đình Thái, 2018).

6. Một số kết luận

Trong giai đoạn 2017 – 2020, Trường đã rất quan tâm cải thiện dần các hạn chế như về trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập cụ thể như lắp đặt máy chiếu tại các phòng học, trang bị thêm đèn, quạt và các phòng máy vi tính… phục vụ cho việc giảng dạy.

Trường Đại học Sài Gòn xác định việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong chiến lược phát triển Nhà trường. Tuy nhiên, số lượng giảng viên trẻ có trình độ tiến sĩ ở một số ngành còn ít, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học còn hạn chế, giảng viên còn thiếu ở một số ngành, số lượng kĩ thuật viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn chưa nhiều. Việc cho giảng viên đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn còn thiếu. Muốn Trường Đại học Sài Gòn ngày càng phát triển sánh ngang bằng cùng các trường đại học khác đã có sẵn bề dày thành tích, bản thân chúng ta phải nhìn ra

các mặt hạn chế của trường trên cơ sở phải cải cách sửa đổi dần dần.

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Tuy nhiên, do tầm nhìn của Trường hướng đến trường đại học nghiên cứu, vì vậy chương trình đào tạo cần xây dựng và phát triển theo định hướng trên.

Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự đào tạo, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học. Nhà trường chủ trương đa dạng hóa phương pháp và hình thức đánh giá nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và phù hợp với từng phương thức đào tạo. Bên cạnh đó, kết quả học tập của người học được thông báo công khai, kịp thời theo quy định, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ được cấp đúng quy định.

Trường đã xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có chuyên môn là một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định sự phát triển của nhà trường. Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường hiện nay ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường.

Trong xu hướng phát triển của xã hội đòi hỏi sự đổi mới theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học công lập. Trong đó yêu cầu bắt buộc là cơ chế quản lý về tài chính phải tiến đến tự chủ hoàn toàn nhằm giảm áp lực lên ngân sách nhà nước. Điều này đặt ra cho Nhà trường những thách thức không nhỏ, đòi hỏi phải có những giải pháp và chiến lược phát triển phù hợp trong thời gian sắp tới, tăng cường cơ chế thu để đảm bảo nguồn chi nhằm duy trì hệ thống vận hành của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005). *Đề án Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam (giai đoạn 2006-2020)*.

Đại học Quốc Gia (2020). Kỷ yếu Hội thảo *Đảm bảo chất lượng trong đổi mới giáo dục Đại học* (2020). NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

Lê Chi Lan, Đỗ Đình Thái (2018). *Đề xuất mô hình quản trị đại học hướng đến cơ chế tự chủ tại trường Đại học Sài Gòn*. Đề tài NCKH cấp cơ sở, CS2018-01.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004). *Một số vấn đề giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Phạm Thị Ly (2012). Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình: Quan hệ giữa Nhà nước, nhà trường và xã hội. *Tạp chí Phát triển khoa học công nghệ*, tập 15, quyển 1.

Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Trường Đại học Sài Gòn (2022). *Báo cáo Tự đánh giá của Trường Đại học Sài Gòn năm học 2020-2021*.

Ngày nhận bài: 25/3/2022 Biên tập xong: 15/04/2022 Duyệt đăng: 20/04/2022